

ĐỀ CƯƠNG MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG

Câu 1. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam:

* Hoàn cảnh lịch sử:

- Trước khi Đảng ra đời:

+ Tình hình thế giới: từ nửa sau thế kỉ XIX chủ nghĩa đế quốc phát triển, đẩy mạnh quá trình xâm chiếm nô dịch các nước nhỏ. Nhân dân các dân tộc bị áp bức đứng lên giải phóng dân tộc. Năm 1917 thắng lợi cách mạng tháng 10 Nga có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và tác động sâu sắc đến phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

+ Tình hình trong nước: 1/9/1858 thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam, 1884 triều đình nhà Nguyễn đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp. Nước ta có nhiều chuyển biến:

- Kinh tế: Nông nghiệp, công nghiệp nhẹ
- Chính trị: Phong kiến chuyển sang thuộc địa nửa phong kiến
- Văn hóa: thực hiện chính sách ngu dân, rượu, thuốc phiện
- Xã hội: xuất hiện nhiều giai cấp, tầng lớp với địa vị kinh tế khác nhau, do đó có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh dân tộc.

+ Trước tình hình đó các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam nổ ra: phong trào Cần Vương (1885-1896), khởi nghĩa của Vua Duy Tân (5/1916), phong trào nhân dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo. Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh, phong trào của tổ chức Việt Nam quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Các phong trào diễn ra mạnh mẽ với lòng yêu nước nồng nàn, nhưng đều bị thất bại. Nguyên nhân thất bại: chưa có tổ chức lãnh đạo, chưa có đường lối đúng đắn, diễn ra lẻ tẻ, lực lượng tham gia còn nhỏ.

=> Mong muốn, nguyện vọng của nhân dân là có 1 tổ chức lãnh đạo, đưa ra đường lối lãnh đạo đúng đắn để giải phóng dân tộc.

+ 1911 Nguyễn Ái Quốc ra đi tìm đường cứu nước, Người đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin. Người đã tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng.

- Sự kiện Đảng ra đời: 3/2/1930 Đảng CS Việt Nam ra đời là tất yếu lịch sử, là sự kết hợp của chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

* Ý nghĩa sự ra đời của Đảng CSVN:

- Chấm dứt khủng hoảng đường lối cứu nước, phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn.
- Đáp ứng nguyện vọng nhân dân.
- Đáp ứng được xu thế của thời đại, CN Mác – Lênin khẳng định phải có tổ chức Đảng để đưa cách mạng đi tới thành công.
- Ngày nay Đảng CSVN vẫn tiếp tục giữ vai trò lãnh đạo, đưa cả nước bước vào công cuộc xây dựng CNXH trên mọi lĩnh vực, đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước. Thực hiện ngoại giao đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế.
- Đối với bản thân: (tự làm)

Câu 2: So sánh luận cương và cương lĩnh

* Giống nhau:

- Điều có sự vận dụng lý luận Mác – Lênin 1 cách sáng tạo, phù hợp.
- Căn cứ vào hoàn cảnh điều kiện lịch sử của đất nước.
- Điều phản ánh đúng nguyện vọng của nhân dân.
- Điều phản ánh đúng xu thế của thời đại

* Khác nhau

Nội dung	Cương lĩnh (2/1930)	Luận cương (10/1930)
Phương hướng cách mạng	Chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản	Cách mạng tư sản dân quyền, có tính chất thổ địa và phản đế. Sau đó phát triển, bỏ qua thời kì tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường CNXH
Nhiệm vụ cách mạng	Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.	Đánh đổ địa chủ lấy lại ruộng đất cho dân cày, giành quyền lãnh đạo dân cày -> đánh đổ chủ nghĩa thực dân Pháp.
Lực lượng cách mạng	Toàn thể dân tộc	Giai cấp vô sản và nông dân (Công – nông là chủ yếu)
Lãnh đạo cách mạng	Đảng Cộng sản Việt Nam	Đảng Cộng sản Đông Dương
Phương pháp cách mạng	Bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng	Bằng con đường “vô trang bạo động”
Mối quan hệ VN với C/M thế giới	Tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.	Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp và phải liên hệ mật thiết với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Câu 3: Tại sao nói Cương lĩnh giải phóng dân tộc là đúng đắn?

Nói Cương lĩnh giải phóng dân tộc là đúng đắn vì:

- Cương lĩnh chính trị ra đời tháng 2/1930 do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo đã phản ánh đúng với mong muốn, nguyện vọng của nhân dân, đáp ứng được yêu cầu lịch sử của đất nước và phản ánh đúng với xu thế thời đại. Đặc biệt Cương lĩnh đã xác định được mục tiêu, nhiệm vụ của cách mạng nước ta lúc bấy giờ. Xác định lực lượng tham gia cách mạng (đó là toàn thể dân tộc).

- Nội dung Cương lĩnh:

+ Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: “chủ trương làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

+ Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam, Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

+ Về phương diện xã hội, Cương lĩnh nêu rõ:

- Dân chúng được tự do tổ chức;
- Nam, nữ bình quyền,....
- Phổ thông giáo dục theo công nông hóa

+ Xác định lực lượng cách mạng là “toàn thể dân tộc”, phải đoàn kết công nhân, nông dân – đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai.

+ Xác định phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp “không khi nào nhường một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp”.

+ Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế: Cương lĩnh chỉ rõ trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới.

+ Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: “Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp của mình, phải làm cho giai

cấp mình lãnh đạo được dân chúng”. “Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng”.

Như vậy, trước yêu cầu lịch sử của cách mạng Việt Nam cần phải thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, chấm dứt sự chia rẽ bất lợi cho cách mạng, với uy tín chính trị và phương thức hợp nhất phù hợp, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời triệu tập và chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản. Những văn kiện được thông qua trong Hội nghị hợp nhất (bao gồm Cương lĩnh chính trị) dù vẫn tất, nhưng đã phản ánh những vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam sang 1 trang sử mới.

Câu 4: Chính sách ngoại giao mềm dẻo của Đảng ta

* Hoàn cảnh nước ta sau cách mạng tháng Tám:

- Thuận lợi:

+ Quốc tế: Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, cục diện khu vực và thế giới có những sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao.

+ Trong nước: Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do, nhân dân làm chủ, có Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- Khó khăn:

+ Quốc tế: trên thế giới phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới “chia lại hệ thống thuộc địa thế giới”, ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa được nước lớn nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý.

+ Trong nước: Hệ thống chính quyền cách mạng mới còn non trẻ, yếu kém về mọi mặt. Đối diện nạn giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm của các kẻ thù:

- 20 vạn quân Tưởng vào phía Bắc
- Gần 2 vạn quân Anh vào Nam
- 6 vạn quân Nhật chưa giải giáp
- Quân Pháp quay trở lại

=> Đất nước rơi vào hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”

* Trước tình hình đó Đảng ta đã đưa ra đường lối ngoại giao mềm dẻo:

- Chính sách hòa Tưởng đánh Pháp: Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng để tập trung đánh Pháp. Đề ra nhiều đối sách khôn khéo đối phó có hiệu quả với các hoạt động khiêu khích, gây xung đột vũ trang của quân Tưởng, như:

- + Đồng ý việc đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân Tưởng khi ở Việt Nam.

- + Nhân nhượng cho quân Tưởng sử dụng đồng tiền Quan kim.

- + Đồng ý bổ sung 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho 1 số đảng viên thuộc các đảng phái chính trị tay sai thân Tưởng.

- + Mở rộng thành phần Chính phủ liên hiệp với sự tham gia của nhiều nhân sĩ, trí thức, người không đảng phái và cả 1 số phần tử cầm đầu tổ chức phản động tay sai của quân Tưởng.

- Chính sách hòa Pháp đuổi Tưởng: đầu năm 1946, Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa thỏa thuận để Pháp đưa quân đội ra Bắc vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước. Đây thực chất là hợp tác hóa hành động xâm lược của thực dân Pháp ra miền Bắc. Chính phủ ta rơi vào hoàn cảnh trong 1 lúc phải đối mặt với 2 kẻ thù xâm lược. Trước tình hình đó, Đảng ta đã đưa ra chính sách “Hòa Pháp đuổi Tưởng”:

- + Ra bản chỉ thị “Tình hình và chủ trương” 3/3/1946 chủ trương tạm thời “dàn hòa với Pháp”, nhân nhượng về lợi ích kinh tế, nhưng đòi Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam.

- + Lợi dụng thời gian hòa hoãn với Pháp để diệt bọn phản động bên trong, tay sai Tàu trắng, trừ những hành động khiêu khích ly tán ta với Pháp, thúc đẩy nhanh quân Tưởng về nước, bớt đi 1 kẻ thù nguy hiểm.

- + Ngày 6/3/1946 ký với Pháp Hiệp định sơ bộ, buộc Pháp công nhận Việt Nam là 1 quốc gia tự do, độc lập. Đồng thời đồng ý để 15.000 quân Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân Tưởng và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm.

- + 9/3/1946 ra bản Chỉ thị “Hòa để tiến” phân tích đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, chú ý đào tạo cán bộ chính trị, quân sự, đến 12/1946 số lượng đảng viên tăng lên tới 20.000 người.

+ 14/9/1946 ký bản Tạm ước 14-9, đồng ý nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam bộ và tiếp tục đàm phán.

* Ý nghĩa của việc thực hiện chính sách:

- Giúp chúng ta kéo dài thời gian chuẩn bị về mọi mặt, như: lực lượng, vũ khí, lương thực sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống Pháp lâu dài.

- Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập.

- Giúp Đảng ta trưởng thành hơn về nhận thức, tư duy, biết nhìn nhận từng loại kẻ thù.

- Thể hiện sự thành công trong chính sách ngoại giao mềm dẻo, linh hoạt.

Câu 5: Phân tích bài học kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975

* Ý nghĩa lịch sử:

- Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, giải phóng miền Nam đã kết thúc 117 năm chống đế quốc xâm lược, quét sạch quân xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

- Mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung 1 nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới.

* Đảng ta rút ra 1 số bài học kinh nghiệm:

- Một là, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu, động lực của cách mạng Việt Nam được Đảng ta xác định và lựa chọn ngay từ khi Đảng ta ra đời.

+ Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng ta đã đề ra đường lối thực hiện 2 cuộc cách mạng, cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, giải phóng miền Nam và cách mạng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hướng vào mục tiêu chung là đánh đuổi giặc Mỹ xâm lược, thống nhất nước nhà và cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

+ Đường lối này thể hiện nguyện vọng của nhân dân ta, dân tộc ta, huy động sức mạnh của cả dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp để đi đến thắng lợi cuối cùng.

- Hai là, đó là những phương pháp sử dụng bạo lực cách mạng tổng hợp bao gồm: lực lượng chính trị + vũ trang nhân dân, đi từ khởi nghĩa từng phần từ nông thôn phát triển thành chiến tranh. Kết hợp đấu tranh chính trị + quân sự +

ngoại giao, đánh địch trên 3 vùng (vùng rừng núi, vùng nông thôn đồng bằng, vùng đô thị) 3 bằng mũi giáp công kết hợp với 3 thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích).

+ Đường lối chiến tranh nhân dân, biết địch biết ta trăm trận trăm thắng.

- Ba là, trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam, Đảng ta luôn theo dõi âm mưu của địch, đánh giá đúng, so sánh lực lượng giữa ta và địch, đề ra những chủ trương linh hoạt, chính xác sắc bén, kịp thời nhằm đánh bại âm mưu kẻ thù.

+ Phải thông qua thực tế chiến đấu với những diễn biến cụ thể trên chiến trường mà nhận thức của các cấp bộ đảng ngày càng rõ ràng và sâu sắc hơn.

- Bốn là, trong quá trình lãnh đạo cách mạng miền Nam, Đảng ta luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vừa hồng vừa chuyên.

+ Mặt khác, Đảng bộ miền Nam được tôi luyện thành các bộ tham mưu dày dặn kinh nghiệm là khối liên minh công-nông vững chắc.

+ Lực lượng cách mạng là đội quân chính trị quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân, là mặt trận giải phóng dân tộc miền Nam Việt Nam cùng với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã huy động sức mạnh toàn thể dân tộc và tranh thủ được sự ủng hộ, đồng tình của nhân dân thế giới.

Câu 6. Đánh giá Đại hội lần thứ VI

* Hoàn cảnh nước ta:

- Sau khi thống nhất đất nước, Đảng ta chủ trương xây dựng nên kinh tế theo cơ chế bao cấp -> khủng hoảng kinh tế xã hội, tư tưởng nhân dân, đời sống nhân dân khổ cực, nên kinh tế không phát triển, niềm tin của nhân dân vào Đảng bị giảm sút.

- Đảng ta tiến hành Đại hội Đảng lần thứ VI tháng 12/1986: đây là đại hội thể hiện tính đột phá trong công cuộc đổi mới đất nước, thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật:

+ Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975-1986.

+ Đại hội rút ra các bài học quý báu: Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Hai là, Đảng phải luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một số đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất, thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội, đảm bảo nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Đại hội VI nhấn mạnh: “tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

+ Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân. Xây dựng bảo trợ xã hội.

+ Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng an ninh của đất nước, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ tổ quốc.

+ Đối ngoại góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc.

+ Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng, công tác cán bộ và phong cách làm việc.

+ Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi đường lối đổi mới toàn diện đánh dấu bước ngoặt đổi mới trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các Văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, tạo bước ngoặt cho sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

* Ý nghĩa sau đại hội trong giai đoạn hiện nay:

- Đại hội VI thể hiện quan điểm đường lối của mình trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, ngoại giao. Bám sát vào tình hình thực tiễn của đất nước, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân -> tốc độ phát triển kinh tế của nước ta ổn định, tăng trưởng kinh tế đạt 8% GDP trên 1 năm.

- Hệ thống chính trị ổn định, đời sống nhân dân được cải thiện và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao.

- Đảng tăng cường vai trò lãnh đạo, nhà nước tăng cường vai trò quản lý, an ninh quốc phòng vững chắc, lãnh đạo cả nước cùng vượt qua đại dịch Covid-19.

- Nền kinh tế của nước ta từng bước phát triển thoát khỏi vị thế nước nghèo vươn lên thành nước có nền kinh tế đang phát triển.